

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



## Acti9 iLL double indicator light - Green/Red - 110-230 Vac

A9E18325

! Ngừng sản xuất vào: 1 thg 11, 2020

! Ngừng sản xuất

### Main

|                           |                                              |
|---------------------------|----------------------------------------------|
| Range Of Product          | Acti9                                        |
| Product Name              | Acti9 iLL                                    |
| Product Or Component Type | Modular pilot ligth                          |
| Device Short Name         | iLL                                          |
| [Us] Rated Supply Voltage | 110...230 V AC at 50/60 Hz<br>110...130 V DC |

### Complementary

|                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Indicator Light                                  | 2 LEDs green/red, service life 100000 h of constant lighting efficiency (consumption 0.6 W)                                                                                                                                                                             |
| Mounting Mode                                    | Fixed                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Mounting Support                                 | Symmetrical DIN rail                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Comb Busbar And Distribution Block Compatibility | Upside: ProDis                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 9 Mm Pitches                                     | 2                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Height                                           | 82 mm                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Width                                            | 18 mm                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Depth                                            | 69.5 mm                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Colour                                           | White (RAL 9003)                                                                                                                                                                                                                                                        |
| Auxiliary Connection Terminal                    | Tunnel type terminal 1 cable(s) rigid 0.5 mm²<br>Tunnel type terminal 2 cable(s) rigid 2.5 mm²<br>Tunnel type terminal 1 cable(s) flexible 0.5 mm²<br>Tunnel type terminal 2 cable(s) flexible 2.5 mm²<br>Tunnel type terminal 2 cable(s) flexible with ferrule 2.5 mm² |
| Wire Stripping Length                            | 9 mm                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Tightening Torque                                | 1 N.m                                                                                                                                                                                                                                                                   |

### Environment

|                                       |               |
|---------------------------------------|---------------|
| Standards                             | IEC 60947-5-1 |
| Ip Degree Of Protection               | IP2<br>IPxx B |
| Pollution Degree                      | 2             |
| Tropicalisation                       | 2             |
| Relative Humidity                     | 95 % at 55 °C |
| Ambient Air Temperature For Operation | -35...70 °C   |

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

|                                     |             |
|-------------------------------------|-------------|
| Ambient Air Temperature For Storage | -40...80 °C |
|-------------------------------------|-------------|

## Packing Units

|                              |          |
|------------------------------|----------|
| Unit Type Of Package 1       | PCE      |
| Number Of Units In Package 1 | 1        |
| Package 1 Height             | 6.6 cm   |
| Package 1 Width              | 1.8 cm   |
| Package 1 Length             | 8.2 cm   |
| Package 1 Weight             | 45 g     |
| Unit Type Of Package 2       | BB1      |
| Number Of Units In Package 2 | 12       |
| Package 2 Height             | 7.8 cm   |
| Package 2 Width              | 9.8 cm   |
| Package 2 Length             | 23.3 cm  |
| Package 2 Weight             | 602 g    |
| Unit Type Of Package 3       | S03      |
| Number Of Units In Package 3 | 108      |
| Package 3 Height             | 30 cm    |
| Package 3 Width              | 30 cm    |
| Package 3 Length             | 40 cm    |
| Package 3 Weight             | 5.906 kg |

## Contractual warranty

|          |           |
|----------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|----------|-----------|

Bền vững



Nhãn **Green Premium™** là cam kết của Schneider Electric trong việc cung cấp sản phẩm với hiệu suất môi trường tốt nhất. Green Premium cam kết tuân thủ các quy định mới nhất, minh bạch về tác động môi trường, cũng như các sản phẩm tuần hoàn và CO<sub>2</sub> thấp.

**Hướng dẫn đánh giá tính bền vững của sản phẩm** là tài liệu kỹ thuật phổ thông giúp làm rõ các tiêu chuẩn nhãn sinh thái toàn cầu và cách diễn giải việc khai báo môi trường.

[Tìm hiểu thêm về Green Premium >](#)

[Hướng dẫn đánh giá về sự bền vững của sản phẩm >](#)



Minh bạch    RoHS/REACH

## Hiệu suất sức khỏe

|                                                                                   |                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <div><div>✓</div><div>Mercury Free</div></div>                                    |                     |
| <div><div>✓</div><div>Rohs Exemption Information</div></div>                      | <a href="#">Yes</a> |
| <div><div>✓</div><div>Halogen Free Plastic Parts &amp; Cables Product</div></div> |                     |

## Chứng nhận & Tiêu chuẩn

|                          |                                                                                                                             |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Reach Regulation         | <a href="#">REACH Declaration</a>                                                                                           |
| Eu Rohs Directive        | Compliant with Exemptions                                                                                                   |
| China Rohs Regulation    | <a href="#">China RoHS declaration</a><br>Product out of China RoHS scope. Substance declaration for your information       |
| Environmental Disclosure | <a href="#">Product Environmental Profile</a>                                                                               |
| Weee                     | The product must be disposed on European Union markets following specific waste collection and never end up in rubbish bins |
| Circularity Profile      | No need of specific recycling operations                                                                                    |